

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST

Ngày: 02-3-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng thi công xây dựng công trình”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Quan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Cường.

Bà Dương Thị Phụng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V - tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V - tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 02 và ngày 02 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2017/TLST-KDTM, ngày 17 tháng 5 năm 2017, về tranh chấp “Hợp đồng thi công xây dựng công trình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-KDTM, ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P; Địa chỉ trụ sở: đường P, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Người đại diện theo pháp luật: Ông D - Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H; Địa chỉ trụ sở: đường V, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông P - Chức vụ: Giám đốc; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Hoàng Th - Nguyên Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản A; Địa chỉ cư trú: đường T, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Th: Anh S; Địa chỉ cư trú: đường P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của bà Th (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/9/2017); có mặt.

2/ Quỹ Đầu tư và Phát triển L; Địa chỉ trụ sở: đường L, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Người đại diện theo pháp luật: Ông C. Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Kh - Chức vụ: Trưởng Phòng Tín dụng - Ủy thác (Theo văn bản ủy quyền số 242/UQ-QĐTPT ngày 08/9/2017); có mặt.

3/. Công ty trách nhiệm hữu hạn U; Địa chỉ trụ sở: Hương Lộ T, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông L - Chức vụ: Giám đốc Công ty; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/4/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/8/2017 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P (gọi tắt là Công ty P) có ông D là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

1) Ngày 27/02/2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H (gọi tắt là Công ty H) và Liên danh Công ty trách nhiệm hữu hạn U (gọi tắt là Công ty U) và Công ty P ký Hợp đồng thi công xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc thi công xây dựng gói thầu xây mới dự án xây dựng khu nhà ở thu nhập thấp H. Ngày khởi công 10/3/2013, thời hạn hoàn thành 450 ngày kể từ ngày khởi công; giá trị Hợp đồng 32.200.000.000 đồng, trong đó phân cọc, móng: 8.300.275.500 đồng, phần thân: 7.272.127.500 đồng, phần kiến trúc: 7.865.272.800 đồng, phần điện: 7.810.650.400 đồng, phần nước: 951.673.800 đồng.

Sau khi ký Hợp đồng Công ty H yêu cầu Công ty P nộp cho Công ty H 2.000.000.000 đồng tiền ký quỹ mới được khởi công công trình. Công ty P nộp 02 lần mỗi lần 1.000.000.000 đồng vào ngày 09/3/2013 và 15/3/2013.

Ngày 03/12/2013, ông P yêu cầu Công ty P đưa thêm 500.000.000 đồng để thi công tiếp. Công ty P đưa thêm cho ông P 250.000.000 đồng vào ngày 03/12/2013.

Ngày 25/7/2013, Công ty U rút tên thành viên liên danh trong Hợp đồng thi công số: 01/2013/HĐXD ngày 27/02/2013 và cam kết không có bất cứ khiếu nại về sau.

Ngày 13/8/2013, Công ty H và Công ty P ký biên bản hủy Hợp đồng thi công xây dựng số: 01/2013/HĐXD ngày 27/02/2013 giữa Công ty H và Liên danh Công ty U và Công ty P.

2) Sau khi Công ty U rút tên thành viên liên danh thì Công ty H và Công ty P ký lại Hợp đồng, vẫn giữ nguyên nội dung Hợp đồng, số Hợp đồng 01 và ngày tháng năm của Hợp đồng cũng là ngày 27/02/2013.

3) Ngày 25/11/2013, Công ty H và Công ty P ký Hợp đồng xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc thi công xây dựng, công trình: Khu nhà ở thu nhập thấp H, hạng mục: Khối chung cư Block 1 (phần cọc, móng). Ngày khởi công

28/11/2013, thời hạn hoàn thành 90 ngày kể từ ngày khởi công; giá trị Hợp đồng 8.300.275.500 đồng.

4) Ngày 25/11/2013, Công ty H và Công ty P ký Phụ lục hợp đồng số: 01/2013/PLHĐXD. Nội dung bổ sung: (1) Phạt vi phạm: 0,5%/01 ngày (tổng ngày vi phạm x 0,5% x tổng số tiền Hợp đồng), (2) Thi công không liên tục: ngưng thi công 03 ngày liên tiếp, (3) Trách nhiệm của nhà thầu trong quản lý thi công, (4) Tạm ứng khối lượng: Khi nhà thầu đã thực hiện tiến độ công việc đạt được: ép cọc và thi công xong phần bê tông, coffa móng đến tim cọc 310/tổng số 410 tim.

5) Ngày 02/12/2013, Công ty H và Công ty P ký Phụ lục hợp đồng số: 01/2013/PLHĐXD. Nội dung bổ sung: (1) Tiến độ: đến ngày 15/4/2014 hoàn thành giai đoạn 1 (cọc, móng Block 01) của công trình, (2) Thi công không liên tục: ngưng thi công 03 ngày liên tiếp, (3) Trách nhiệm của nhà thầu trong quản lý thi công.

6) Ngày 02/12/2013, Công ty H và Công ty P ký Phụ lục hợp đồng số: 02/2013/PLHĐXD. Nội dung điều chỉnh: Theo Điều 5 phần giá trị Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán: (1) Giá trị cọc, móng theo Hợp đồng 8.300.275.500 đồng, (2) Giá trị cọc, móng phát sinh: 1.554.049.000 đồng, (3) Tổng giá trị cọc, móng sau khi điều chỉnh 9.854.324.500 đồng.

Công ty P thực hiện đến ngày 09/6/2014 hoàn thành khối lượng để thanh toán theo Phụ lục Hợp đồng số: 01/PLHĐ đã ký ngày 25/11/2013 là 310 tim, Công ty P thực hiện 325 tim và làm hồ sơ thanh toán gửi Công ty H ngày 10/6/2014, nhưng Công ty H không hợp tác và không thanh toán cho Công ty P.

Công ty P làm việc với Quỹ Đầu tư và Phát triển L được biết Quỹ đã giải ngân cho Công ty H gần 17.000.000.000 đồng, trong đó giải ngân thanh toán khối lượng cho Hợp đồng ký giữa Công ty P với Công ty H số tiền 8.800.000.000 đồng. Khi đối chiếu hồ sơ, chứng từ với hồ sơ chứng từ Quỹ thì phát hiện Công ty H sửa chữa các điều khoản trong Hợp đồng xây dựng ký ngày 25/11/2013. Công ty H sử dụng các hóa đơn của Công ty P sao y bản chính gửi cho Quỹ làm chứng từ thanh toán và các ủy nhiệm chi thanh toán ngày 20/9/2013. Căn cứ khoản 2 Điều 5 Hợp đồng số: 01/HĐ-XD và khoản d Điều 1 Phụ lục Hợp đồng số: 01/PLHĐ nhà thầu được tạm ứng giá trị khối lượng công việc đã thực hiện: Sau khi nhận đủ hồ sơ trong vòng 03 ngày thì bên A giải ngân cho bên B, nếu chậm trễ thì trong vòng 02 ngày tiếp theo bên Quỹ chuyển thẳng số tiền đó cho đơn vị thi công và có sự xác nhận của bên giao thầu...

Toàn bộ tiền Quỹ giải ngân thanh toán khối lượng cho Công ty P bị bà Th - Nguyễn Giám đốc và ông P - Giám đốc Công ty H dùng thủ đoạn lừa dối Công ty P để chiếm đoạt.

Tháng 7/2014, Công ty P gửi đơn cùng lúc là Tòa án nhân dân thành phố V và Phòng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long (PC 46). Đến tháng

5/2016, Phòng Cảnh sát điều tra thông báo cho Công ty P có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và yêu cầu Công ty P rút đơn khởi kiện để Phòng Cảnh sát điều tra thụ lý điều tra. Công ty P rút đơn khởi kiện ở Tòa án, đến ngày 08/9/2016 Phòng Cảnh sát điều tra kết luận không khởi tố vụ án hình sự.

Về phần lỗi dẫn đến ngưng thi công là do phía Công ty H không cho ứng (thanh toán) khối lượng theo Phụ lục hợp đồng số: 01/2013/PLHĐXD ngày 25/11/2013 giữa Công ty H và Công ty P đã ký kết (cụ thể là điểm d khoản 1).

Công ty P yêu cầu bà Th cùng liên đới với Công ty H và Quỹ Đầu tư và Phát triển L trả cho Công ty P: giá trị khối lượng thi công 7.461.950.000 đồng (325 tim/410 tim), tiền thế chân hợp đồng (tiền ký quỹ) là 2.250.000.000 đồng. Bà Th trước đây là Giám đốc của Công ty H, khi rút tiền dự án từ Quỹ Đầu tư và Phát triển L gần 17.000.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản của Công ty H và từ Công ty H chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Th. Sau đó mới chuyển nhượng dự án lại cho ông P làm Giám đốc, nên bà Th phải có nghĩa vụ cùng với Công ty H phải thanh toán cho Công ty P.

Công ty P yêu cầu Quỹ Đầu tư và Phát triển L cùng liên đới với Công ty H và bà Th trả cho Công ty P số tiền: giá trị khối lượng thi công 7.461.950.000 đồng (325 tim/410 tim), tiền thế chân hợp đồng (tiền ký quỹ) là 2.250.000.000 đồng. Trong 02 hợp đồng ngày 27/02/2013 (5.3.1) và ngày 25/11/2013 (5.2.1) đã nêu rõ tại điều khoản thanh toán thì Quỹ Đầu tư và Phát triển L chuyển thanh toán trực tiếp qua nhà thầu thi công (Công ty P), nhưng Quỹ Đầu tư và Phát triển L đã chuyển thanh toán tiền cho dự án gần 17.000.000.000 đồng cho Công ty H, từ đó Công ty P không nhận được đồng nào. Vì vậy, Công ty P yêu cầu Quỹ Đầu tư và Phát triển L liên đới với Công ty H và bà Th thanh toán cho Công ty P giá trị khối lượng và tiền ký quỹ.

Ngoài ra, căn cứ biên bản làm việc ngày 26/6/2014, 09/7/2014 Công ty H tạo chứng cứ khống (thể hiện tại trang 1, 2 của biên bản làm việc ngày 26/6/2014 và thể hiện tại trang 5, 6 của biên bản làm việc ngày 09/7/2014) gửi vào Quỹ Đầu tư và Phát triển L nhằm rút tiền của dự án từ Quỹ Đầu tư và Phát triển L.

Công ty P không đồng ý với kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố số: 454/TB-PC-46 ngày 08/9/2016 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, có đơn khiếu nại. Ngày 04/11/2016, có buổi làm việc tại Cơ quan điều tra thì Công ty P đồng ý với kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra. Ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P 7.461.950.000 đồng giá trị khối lượng thi công, 2.250.000.000 đồng tiền ký quỹ. Tại buổi làm việc ngày 04/11/2016 ông P thừa nhận có nhận số tiền 2.250.000.000 đồng. Ông P sử dụng vào việc xây dựng Văn phòng, đóng lãi Ngân hàng, trả lương công nhân, đưa bà Th khoản 700.000.000 đồng và các khoản đầu tư khác. Ông P cũng đồng ý thanh toán cho Công ty P 02 khoản tiền nêu trên (7.461.950.000 đồng giá trị khối lượng thi công, 2.250.000.000 đồng tiền ký quỹ).

Ngày 04/11/2016, Công ty P đồng ý với việc giải quyết, ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P 7.461.950.000 đồng giá trị khối lượng thi công, 2.250.000.000 đồng tiền ký quỹ. Nay Công ty P thay đổi yêu cầu, yêu cầu bà Th và Quỹ Đầu tư và Phát triển L cùng liên đới, vì: Xét thấy bà Th và Quỹ Đầu tư và Phát triển L có liên quan đến số tiền nêu trên nên Công ty P yêu cầu bà Th, Quỹ Đầu tư và Phát triển L và Công ty H cùng liên đới có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P 7.461.950.000 đồng giá trị khối lượng thi công, 2.250.000.000 đồng tiền ký quỹ.

Tính từ ngày thi công đến ngày 10/6/2014 Công ty P không nhận được bất kỳ khoản tạm ứng nào từ phía Công ty H.

Công ty P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

Công ty H, bà Th và Quỹ Đầu tư và Phát triển L thanh toán cho Công ty P giá trị khối lượng thi công 7.461.950.000 đồng (325 tim/410 tim), tiền thế chân hợp đồng (tiền ký quỹ) là 2.250.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi chậm thanh toán Công ty P yêu cầu Công ty H chịu lãi chậm trả từ ngày nghiệm thu 10/6/2014 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 12%/năm (1%/tháng). Không yêu cầu bà Th, Quỹ Đầu tư và Phát triển L chịu tiền lãi chậm thanh toán.

Chấm dứt các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng:

Chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc thi công xây dựng gói thầu xây mới dự án xây dựng khu nhà ở thu nhập thấp H ngày 27/02/2013 giữa Công ty H và Liên danh Công ty U và Công ty P.

Chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc thi công xây dựng gói thầu xây mới dự án chung cư thu nhập thấp H ngày 27/02/2013 giữa Công ty H và Công ty P.

Chấm dứt Hợp đồng xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc: Thi công xây dựng, công trình: Khu nhà ở thu nhập thấp H, hạng mục: Khối chung cư Block 1 (phần cọc, móng), địa điểm xây dựng: Phường B, thành phố V ngày 25/11/2013 giữa Công ty H và Công ty P.

Chấm dứt Phụ lục hợp đồng số: 01/2013/PLHĐXD ngày 25/11/2013 giữa Công ty H và Công ty P.

Chấm dứt Phụ lục hợp đồng số: 01/2013/PLHĐXD ngày 02/12/2013 giữa Công ty H và Công ty P.

Chấm dứt Phụ lục hợp đồng số: 02/2013/PLHĐXD ngày 02/12/2013 giữa Công ty H và Công ty P.

Tại đơn phản tố ngày 21/6/2017 và các lời khai tiếp theo bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H có ông P là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Thực hiện hợp đồng phía Công ty P chậm tiến độ thi công và xin gia hạn, Công ty H không đồng ý gia hạn, nhưng thực tế chưa hoàn thành công trình thì ngày 09/6/2014 Công ty P làm thủ tục đề nghị thanh toán, Công ty H không đồng ý mà chỉ đề nghị Quỹ Đầu tư và Phát triển L cho ứng 1.000.000.000 đồng phía Công ty P không đồng ý, sau đó Công ty H đề Quỹ chuyển cho Công ty P ứng 2.000.000.000 đồng nhưng phía Công ty P không chịu nhận rồi ngưng thi công cho đến nay.

Đến thời điểm này Công ty H không có lỗi gì, phía Công ty P lỗi chậm tiến độ thi công và nại ra phân thanh toán theo Phụ lục là sai, vì Phụ lục chỉ ký kết tạm ứng và không nói rõ ứng bao nhiêu, nhưng Công ty H cho ứng 2.000.000.000 đồng nhưng Công ty P không đồng ý nhận nên lỗi do phía Công ty P.

Công ty H yêu cầu hủy Hợp đồng đối với Hợp đồng số: 01/2013/HĐXD do nhà thầu đã vi phạm những điều khoản khi thực hiện Hợp đồng. Đối với số tiền 2.250.000.000 đồng, số tiền này hai bên đã thống nhất đưa vào dự toán để tiện việc thanh toán theo yêu cầu của Công ty P, nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Ngoài ra, bị đơn có yêu cầu phạt tố yêu cầu phạt chậm tiến độ của nhà thầu là Công ty P với số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ngày 19/10/2017, Công ty H xin rút yêu cầu phạt tố phạt chậm tiến độ của nhà thầu là Công ty P với số tiền 2.000.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 19/10/2017 và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỹ Đầu tư và Phát triển L có bà Kh là người đại diện theo ủy quyền của Quỹ Đầu tư và Phát triển L trình bày:

Công ty P không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh việc Quỹ Đầu tư và Phát triển L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty P số tiền như đã yêu cầu. Vì vậy, Quỹ Đầu tư và Phát triển L không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới và cũng không thực hiện việc trả tiền theo yêu cầu của Công ty P vì Quỹ không có thực hiện ký Hợp đồng nào với Công ty P như ông D đã yêu cầu. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông D là người đại diện theo pháp luật của Công ty P.

Tại bản khai ngày 12/9/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Th và các lời khai tiếp theo anh S là người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Th trình bày:

Bà Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền khối lượng thi công 7.461.950.000 đồng và tiền ký quỹ 2.250.000.000 đồng. Dựa trên những căn cứ sau:

Hợp đồng tranh chấp là hợp đồng thi công xây dựng số: 01/2013/HĐXD ngày 27/02/2013 ký kết giữa Công ty H với Công ty P, chủ thể giao kết đều là pháp nhân.

Người đại diện Công ty H là ông P, hiện ông P là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm toàn bộ trong việc thực hiện Hợp đồng với Công ty P.

Bà Th không tham gia ký và thực hiện hợp đồng số: 01/2013/HĐXD ngày 27/02/2013 cũng như không biết gì về tiền ký quỹ của Công ty P.

Thời điểm ký kết hợp đồng số: 01/2013/HĐXD ngày 27/02/2013 ông D chỉ giao dịch với ông P.

Ngoài ra tại buổi làm việc ngày 04/11/2016 ông D và ông P đã đồng ý phương án giải quyết tranh chấp, ông P chịu trách nhiệm toàn bộ số tiền theo yêu cầu của ông D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên về lãi suất chậm thanh toán nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng) và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu phản tố, đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền 7.088.510.500 đồng (310/410 tỉm), chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền ký quỹ 250.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Th và Quỹ Đầu tư và Phát triển L vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn U vắng mặt tại phiên tòa và có xác nhận của chính quyền địa phương tại địa phương không có số: A, Hương Lộ T, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và cũng không có Công ty trách nhiệm hữu hạn U.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 30, 35, 39, 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 75, 76 Luật xây dựng năm 2003; các Điều 290, 424, 425 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 306, 319 Luật thương mại năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

Buộc Công ty H trả cho Công ty P số tiền 7.088.510.500 đồng (tiền thi công công trình), số tiền 2.250.000.000 đồng (tiền ký quỹ) và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 0,75%/tháng, từ ngày 10/6/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc thi công xây dựng gói thầu xây mới dự án xây dựng khu nhà ở thu nhập thấp H ngày 27/02/2013 giữa Công ty H và Liên danh Công ty U và Công ty P.

Chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc thi công xây dựng gói thầu xây mới dự án chung cư thu nhập thấp H ngày 27/02/2013 giữa Công ty H và Công ty P.

Chấm dứt Hợp đồng xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc: Thi công xây dựng, công trình: Khu nhà ở thu nhập thấp H, hạng mục: Khối chung cư Block 1 (phần cọc, móng), địa điểm xây dựng: Phường B, thành phố V ngày 25/11/2013 giữa Công ty H và Công ty P.

Chấm dứt Phụ lục hợp đồng số: 01/2013/PLHĐXD ngày 25/11/2013 giữa Công ty H và Công ty P.

Chấm dứt Phụ lục hợp đồng số: 01/2013/PLHĐXD ngày 02/12/2013 giữa Công ty H và Công ty P.

Chấm dứt Phụ lục hợp đồng số: 02/2013/PLHĐXD ngày 02/12/2013 giữa Công ty H và Công ty P.

Đình chỉ xét xử yêu cầu phạt của Công ty Hoàng Anh về yêu cầu phạt Công ty P chậm tiến độ thi công 2.000.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty P yêu cầu trả tiền thi công công trình đối với số tiền 373.439.500 đồng (tương ứng 15 tim/410 tim cọc).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty P về việc yêu cầu bà Hoàng Th và Quỹ Đầu tư và Phát triển L liên đới trả số tiền thi công công trình 7.461.950.000 đồng và tiền thế chân hợp đồng 2.250.000.000 đồng.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông L là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết



số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vẫn tiến hành xét xử.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty P với Công ty H có thỏa thuận ký hợp đồng thi công xây dựng dự án Chung cư thu nhập thấp H. Công ty H không thanh toán giá trị khối lượng thi công nên Công ty P khởi kiện. Vì vậy, quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình”, hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo hợp đồng mà các bên đã ký kết, thỏa thuận Tòa án nhân dân thành phố V có thẩm quyền giải quyết khi có phát sinh tranh chấp. Đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Tòa án nơi bị đơn có trụ sở có thẩm quyền giải quyết. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận Tòa án thành phố V giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu: Vụ án được giải quyết còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại năm 2005.

Ngày 19/10/2017, tại đơn rút yêu cầu phản tố (BL 271) ông P là người đại diện theo pháp luật của Công ty H xin rút yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Xét thấy, việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi phạt vi phạm Hợp đồng.

[2] Xét yêu cầu của Công ty P đòi thanh toán giá trị khối lượng thi công công trình với số tiền 7.461.950.000 đồng là có căn cứ chấp nhận một phần. Bởi lẽ, Công ty P thực hiện công việc Thi công xây dựng, công trình: Khu nhà ở thu nhập thấp H, hạng mục: Khối chung cư Block 1 (phần cọc, móng), địa điểm xây dựng: Phường B, thành phố V cho Công ty H theo Hợp đồng xây dựng số: 01/2013/HĐXD 25/11/2013. Thể hiện tại bảng khối lượng công việc đã thực hiện (BL 120-122) theo Hợp đồng ký ngày 25/11/2013, tính đến ngày 09/6/2014 Công ty P thực hiện giá trị khối lượng thi công là 7.088.510.500 đồng (310 tim/410 tim), tại phiên tòa bị đơn cũng đồng ý thanh toán cho Công ty P số tiền 7.088.510.500 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 20.5 Điều 20 và khoản 17.4 Điều 17 Hợp đồng số: 01/2013/HĐXD ngày 25/11/2013.

Đối với 15 tim bị đơn không thừa nhận, nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và cũng không có yêu cầu thẩm định đã thực hiện được bao nhiêu tim. Bên cạnh đó, nguyên đơn và bị đơn xác định chưa nghiệm thu. Vì

vậy, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi tiền giá trị khối lượng thi công 15 tim bằng số tiền 373.439.500 đồng.

[3] Xét yêu cầu của Công ty P yêu cầu bà Hoàng Th và Quỹ Đầu Tư Phát triển L liên đới trả số tiền giá trị khối lượng thi công công trình và tiền ký quỹ là chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ theo Hợp đồng xây dựng chủ thể giao kết điều là pháp nhân (Công ty H và Công ty P), ông P là người đại diện theo pháp luật của Công ty H nên Công ty H chịu trách nhiệm toàn bộ trong việc thực hiện Hợp đồng với Công ty P. Đối với số tiền ký quỹ bà Th hoàn toàn không biết và cũng không nhận tiền nên không có căn cứ để buộc bà Th chịu trách nhiệm liên đới.

Căn cứ Hợp đồng thi công xây dựng ngày 27/02/2013 tại mục 5.3.1 và Hợp đồng xây dựng ngày 25/11/2013 tại mục 5.2.1 thể hiện Quỹ Đầu tư và Phát triển L chuyển thanh toán trực tiếp qua nhà thầu (Công ty P). Tuy nhiên, Hợp đồng chỉ thể hiện giữa Công ty H và Công ty P tham gia ký kết không có Quỹ Đầu tư và Phát triển L tham gia ký kết nên không có căn cứ để buộc Quỹ Đầu tư và Phát triển chịu trách nhiệm liên đới.

Vì vậy, buộc Công ty H có nghĩa vụ thanh toán tiền giá trị khối lượng thi công công trình và trả lại tiền ký quỹ cho Công ty P là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu của Công ty P đòi trả lại tiền ký quỹ 2.250.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét biên nhận ngày 09/3/2013 có nội dung: P có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng để thực hiện Hợp đồng thi công công trình nhà ở thu nhập thấp H; bên giao tiền là D.

Xét biên nhận ngày 15/3/2013 có nội dung: P có nhận số tiền 1.000.000.000 đồng để thực hiện Hợp đồng thi công công trình nhà ở thu nhập thấp H; bên giao tiền là D.

Xét biên nhận ngày 03/12/2013 có nội dung: P có nhận của ông D số tiền 250.000.000 đồng để ông D tiến hành thi công tiếp block 1, người nhận tiền P.

Tại phiên tòa, ông P cũng thừa nhận có nhận số tiền trên để đảm bảo thực hiện Hợp đồng. Công ty H chậm thanh toán cho Công ty P nên Công ty P không tiếp tục thi công công trình. Nguyên đơn và bị đơn cũng đồng ý chấm dứt Hợp đồng, do đó căn cứ Điều 424, 425 của Bộ luật Dân sự năm 2005 chấm dứt Hợp đồng giữa Công ty H với Công ty P. Theo quy định tại điểm a khoản 17.4 Điều 17 của Hợp đồng số: 01/2013/HĐXD ngày 25/11/2013 thì “khi chấm dứt Hợp đồng bên Giao thầu phải trả lại bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu”. Vì vậy, Công ty H phải hoàn trả lại cho Công ty P số tiền 2.250.000.000 đồng đã nhận là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 17.4 Điều 17 Hợp đồng số: 01/2013/HĐXD ngày 25/11/2013.

[5] Xét yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của Công ty P.

Bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 10/6/2014 đến ngày xét xử là có căn cứ. Xét thấy, tại thời điểm hiện nay, mức lãi suất cơ bản được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố là 9%/năm (quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản). Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng), bằng với lãi suất cơ bản là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 14/6/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (02/3/2018). Tiền lãi được tính như sau:  $\{(9.338.510.500 \text{ đồng} \times 0,75\%/tháng \times 1.340 \text{ ngày (từ ngày 10/6/2014 đến ngày 02/3/2018)}\} : 30 = 3.128.401.000 \text{ đồng}$ .

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn chịu án phí trên số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn được tính như sau: 112.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng là 112.000.000 đồng +  $\{(12.466.911.500 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) \times 0,1\% \} = 120.466.900 \text{ đồng}$ .

Nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 373.439.500 đồng (7.461.950.000 đồng - 7.088.510.500 đồng = 373.439.500 đồng). Án phí được tính như sau: 373.439.500 đồng x 5% = 18.672.000 đồng.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 290, 424, 425 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào các Điều 306, 319 Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ vào các Điều 75, Điều 76 Luật Xây dựng năm 2003.

Tuyên xử:

*1. Về nội dung:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P số tiền 12.466.911.500đ (Mười hai tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm mười một nghìn năm trăm đồng). Trong đó tiền giá trị khối lượng 7.088.510.500đ (Bảy tỷ không trăm tám mươi tám triệu năm trăm mười nghìn năm trăm đồng), tiền ký quỹ 2.250.000.000đ (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi chậm thanh toán 3.128.401.000đ (Ba tỷ một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm lẻ một nghìn đồng).

Chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc thi công xây dựng gói thầu xây mới dự án xây dựng khu nhà ở thu nhập thấp H ngày 27/02/2013 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H và Liên danh Công ty trách nhiệm hữu hạn U và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P.

Chấm dứt Hợp đồng thi công xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc thi công xây dựng gói thầu xây mới dự án chung cư thu nhập thấp H ngày 27/02/2013 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P.

Chấm dứt Hợp đồng xây dựng số: 01/2013/HĐXD về việc: Thi công xây dựng, công trình: Khu nhà ở thu nhập thấp H, hạng mục: Khối chung cư Block 1 (phần cọc, móng), địa điểm xây dựng: Phường B, thành phố V ngày 25/11/2013 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P.

Chấm dứt Phụ lục hợp đồng số: 01/2013/PLHĐXD ngày 25/11/2013 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P.

Chấm dứt Phụ lục hợp đồng số: 01/2013/PLHĐXD ngày 02/12/2013 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P.

Chấm dứt Phụ lục hợp đồng số: 02/2013/PLHĐXD ngày 02/12/2013 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P.

Đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đòi phạt chậm tiến độ của nhà thầu là Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P với số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P đòi tiền giá trị khối lượng thi công 15 (Mười lăm) tim bằng số tiền 373.439.500đ (Ba trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P đòi bà Hoàng Th và Quỹ Đầu tư và Phát triển L liên đới thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P tiền giá trị khối lượng thi công công trình và đòi trả lại tiền ký quỹ.

## *2. Về án phí:*

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên bất động sản H chịu 120.467.000đ (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai số 0002840 ngày 07/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; Công ty H còn phải nộp 84.467.000đ (Tám mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P chịu 18.672.000đ (Mười tám triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 60.604.000đ (Sáu mươi triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002578 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V; hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Xây dựng P số tiền chênh lệch là 41.932.000đ (Bốn mươi một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng).

## *3. Về nghĩa vụ thi hành án:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

## *4. Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Th và Quỹ Đầu tư và Phát triển L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn U vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Quan**